

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/BUI COFFEE SUPPLY/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH BUI COFFEE SUPPLY

Địa chỉ: A2 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 079 540 4704

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0317076946

Số Giấy chứng nhận: Tiêu chuẩn ISO 22000:2018 lĩnh vực CIV số hiệu chứng nhận 2024-FSMS-24037. Ngày cấp: 03/06/2024. Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận Quốc Tế BVQA.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Cà phê rang hạt

2. Thành phần: 100% hạt cà phê (Robusta, Arabica)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 250 g, 500 g, 1 kg, tùy theo yêu cầu khách hàng
- Chất liệu bao bì: sản phẩm đóng gói trong màng nhựa PET/AL/LLDPE (lớp tiếp xúc với thực phẩm là LLDPE)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: CÔNG TY TNHH BUI COFFEE SUPPLY

Địa chỉ: A2 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

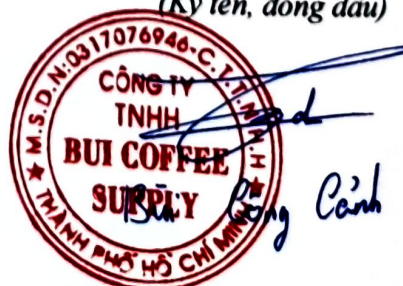
1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
3. Thông tư 50/2016/TT-BYT: Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
4. Tiêu chuẩn nhà sản xuất số TCCS 01/ BUI COFFEE SUPPLY/2024 cà phê rang quy định về giới hạn vi sinh vật

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



MẪU NHÃN DỰ THẢO :

Cà phê rang hạt

Thành phần: 100% hạt cà phê (Robusta, Arabica)

Khối lượng tịnh: 250 g, 500 g, 1 kg, tùy theo yêu cầu khách hàng

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng:

Chuẩn bị: 20-25g cà phê, nước nóng, phin pha, cốc, thìa.

Pha cà phê:

- Tráng phin và ly bằng nước nóng, để khô.
- Cho cà phê vào phin, lắc nhẹ cho bề mặt phẳng.

Ngâm ủ: Rót 30-40g nước sôi (97°C) vào cà phê, khuấy đều, đậy nắp ủ 3 phút.

Nhỏ giọt: Sau 3 phút, nén nhẹ cà phê, rót tiếp nước vào phin, chờ 5 phút thu được 80-100g cà phê

Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát

Cảnh báo: Tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH BUI COFFEE SUPPLY.

Địa chỉ: A2 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phân phối bởi: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VƯƠNG MINH.

Địa chỉ: Số 113 Đường số 4, Khu đô thị Diamond City, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.





AR-25-VD-160573-01 / EUVNHC-00362389- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công ty TNHH Bui Coffee Supply

A2 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : PR9K2508201227-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00156991

Mã số Eol :

005-32410-530902

Tên mẫu :

Cà phê rang hạt

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong túi zip

Ngày nhận mẫu :

20/08/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 28/08/2025

Thời gian thử nghiệm :

21/08/2025 - 28/08/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD026 VD (a) Caffein	g/ 100 g	ISO 20481:2008	2.25
8	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
10	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
11	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
12	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
13	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VD2Q1 VD (a) Cyproconazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
15	VD50I VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 7035:2002 (ISO 11294:1994)	1.82



AR-25-VD-160573-01 / EUVNHC-00362389- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00156991

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VDL14 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-19659 (Tham khảo AOAC 2000.09; AOAC 2004.10; TCVN 8426:2010; TCVN 9724:2013 (EN 14132:2009))	Không phát hiện (LOD=0.3)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 04/09/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 04/09/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sac Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



CÔNG TY TNHH BUI COFFEE SUPPLY A2 Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Tên sản phẩm CÀ PHÊ RANG	TCCS 01/ BUI COFFEE SUPPLY/2024 Ngày ban hành: 01/11/2024 Ver: 02. Ngày cập nhật: 03/09/2025
--	---	--

1. CHỈ TIÊU CẢM QUAN

Phù hợp với tiêu chuẩn số TCVN 5250:2015: Tiêu chuẩn Quốc Gia về cà phê rang.

Trạng thái	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm, rang chín đều, không cháy.
Mùi	Mùi thơm đặc trưng của cà phê rang. Không có mùi lạ.
Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm

2. CHỈ TIÊU VI SINH

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^4
Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU/g	10^2
<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10^2
<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	Không có

3. CHỈ TIÊU ĐỘC TỐ VI NẤM

Phù hợp với QCVN 8-1:211/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	5
Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	$\mu\text{g/kg}$	10
Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	5

4. CHỈ TIÊU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Phù hợp với thông tư 50/2016/TT-BYT: Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
Cyproconazole	mg/kg	0,1

5. CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG

Phù hợp với QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
Asen (As)	mg/kg	1
Cadmi (Cd)	mg/kg	1
Chì (Pb)	mg/kg	2
Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

TP.HCM, ngày 03 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

